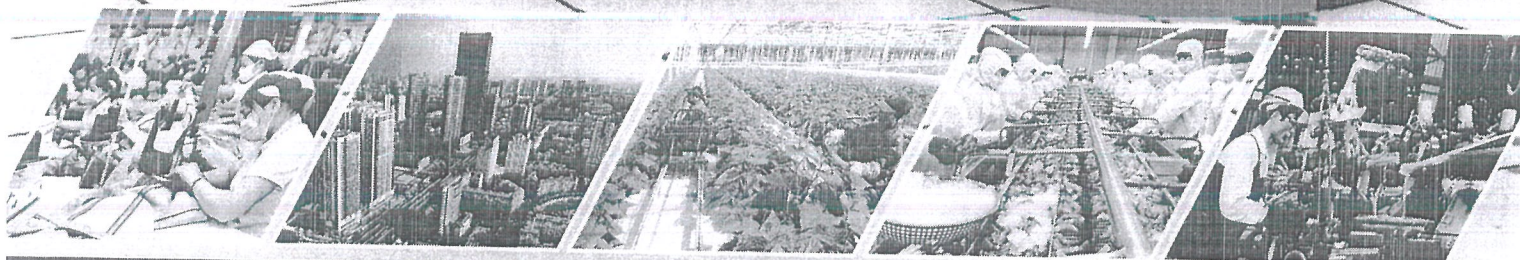
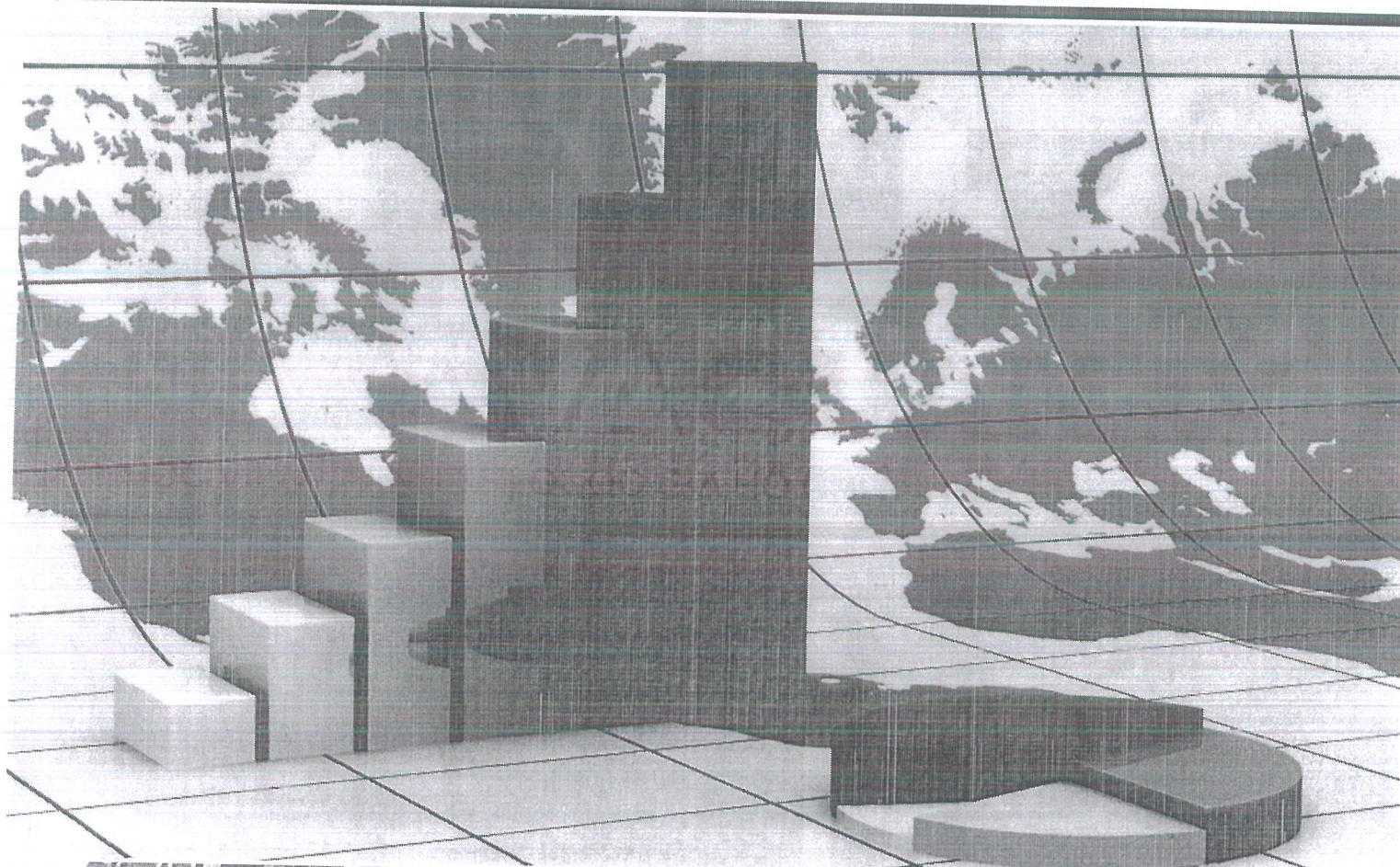


ThS. NGUYỄN THỊ MÃO

ISBN 1859-4565

TẠP CHÍ KINH TẾ ECONOMICS AND MANAGEMENT REVIEW VÀ QUẢN LÝ

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH



SỐ 50
10-2022

ĐIỀU CHỈNH CHÍNH SÁCH THƯƠNG MẠI CỦA LIÊN MINH CHÂU ÂU VÀ DỰ BÁO TÁC ĐỘNG TỚI VIỆT NAM

BÙI VIỆT HUNG*
NGUYỄN THỊ MÃO**

Bài viết tập trung vào phân tích chính sách thương mại mới của Liên minh châu Âu (EU) được ban hành trong bối cảnh chủ nghĩa dân tộc kinh tế, chủ nghĩa bảo hộ và chủ nghĩa đơn phương đang gia tăng, ảnh hưởng tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế và thương mại toàn cầu. Chính sách thương mại mới của EU tập trung vào ba mục tiêu cốt lõi là hỗ trợ sự phục hồi và chuyển đổi cơ bản của nền kinh tế EU phù hợp với các mục tiêu kỹ thuật số và xanh; định hình các quy tắc toàn cầu nhằm thúc đẩy thương mại bền vững và công bằng hơn, đồng thời nâng cao năng lực của EU trong việc theo đuổi các lợi ích và thực thi các quyền của mình trên trường quốc tế. Để đạt được mục tiêu này, các hành động cụ thể được tập trung vào: cải cách WTO, thúc đẩy hợp tác giữa các bên thực thi có hiệu quả chương trình phát triển bền vững trong các FTA, xây dựng chuỗi giá trị bền vững và có trách nhiệm, hỗ trợ quá trình chuyển đổi kỹ thuật số và thương mại dịch vụ. Là một khu vực có tỷ trọng thương mại hàng hóa dịch vụ lớn nhất toàn cầu, những điều chỉnh trong chính sách thương mại của EU sẽ tạo ra những thay đổi và tác động lớn đến hệ thống thương mại toàn cầu, trong đó có Việt Nam.

Từ khóa: kinh tế, thương mại, chuỗi cung ứng, phát triển bền vững, EU, Việt Nam.

The paper focuses on analyzing the EU's trade policy reform in the context of economic nationalism, protectionism, and unilateralism are on the rise, that negatively affect global economic and trade growth. The EU's new trade policy focuses on three core objectives that are supporting the recovery and fundamental transformation of the EU economy in line with its green and digital objectives; shaping global rules for a more sustainable and fair trade and enhancing the EU's capacity to pursue its interests and enforce its rights in the international arena. To achieve these goals, specific policy actions have been focused on reforming the WTO, promoting cooperation among parties in the effective implementation of the sustainable development program in FTAs, building sustainable and responsible value chains, supporting the digital transition and trade in services. As a region with the largest share of global trade in goods and services, adjustments in EU trade policy will create changes and have a great impact on the global trading system, including Vietnam.

Keywords: Economics, trade, supply chain, sustainable development, EU, Vietnam..

Ngày nhận: 05/9/2022

Ngày hoàn thành phản biện: 22/9/2022

Ngày duyệt đăng: 20/10/2022

1. Bối cảnh thực hiện chính sách thương mại mới của Liên minh châu Âu

Ngày 18/2/2021, Ủy ban châu Âu đã chính thức công bố chính sách thương mại mới (EU's new trade policy) dựa trên cách tiếp cận được gọi là "Quyền tự trị chiến lược mở -

Open Strategic Autonomy" [1]. Đây được xem như là một giải pháp mà EU cần phải thực hiện nhằm ứng phó với những diễn biến khó lường không chỉ trong khu vực mà lan rộng trên phạm vi toàn cầu, cụ thể:

Đại dịch Covid-19 diễn ra từ cuối năm 2019 và hiện vẫn còn diễn phức tạp, gây ra những ảnh hưởng, tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế ở hầu hết các quốc gia khu vực trên

* TS Bùi Việt Hưng, Viện Nghiên cứu châu Âu

** ThS Nguyễn Thị Mão, Khoa Giáo dục Chính trị - Đại học Sư phạm Thái Nguyên

mệnh của mình, EU phải có những điều chỉnh trong chính sách thương mại, nhằm hướng đến sự đồng thuận trong đàm phán thương mại với các quốc gia thành viên của WTO, tiến tới xây dựng và hoàn thiện các quy tắc của WTO.

2. Một số nét chính về Chính sách thương mại của Liên minh châu Âu

Chính sách thương mại chung (Common Commercial Policy - CCP) là chính sách kinh tế đối ngoại của EU từ sau Hiệp ước Rome (năm 1957). Theo Hiệp ước Lisbon, CCP bao gồm các lĩnh vực thương mại hàng hóa và dịch vụ, các khía cạnh thương mại đối với quyền sở hữu trí tuệ và đầu tư trực tiếp nước ngoài [4]. Trong thị trường nội khối, CCP bảo đảm xóa bỏ các rào cản thuế quan giữa các quốc gia thành viên, thực hiện đồng nhất chế độ thuế quan chung (CCT) đối với các hàng hóa nhập khẩu từ bên ngoài vào trong khu vực.

Chính sách thương mại thuộc thẩm quyền riêng của EU, có nghĩa là Ủy ban châu Âu thay mặt các quốc gia thành viên, chịu trách nhiệm quản lý và đàm phán thương mại với các đối tác khác trên toàn cầu. Ứng với mỗi thời điểm khác nhau, thì CCP có những mục đích và hướng tiếp cận khác nhau. Có thể nói, với mục tiêu xuyên suốt theo đuổi thương mại tự do, nhằm tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng về kinh tế cũng như giải quyết các vấn đề về việc làm, CCP của EU được điều chỉnh qua các giai đoạn cụ thể sau:

Vào những năm 1990, trong bối cảnh hậu Chiến tranh lạnh, nhằm duy trì sự ổn định về chính trị khu vực quanh biên giới EU, phương châm và mục tiêu chính của các hiệp định kinh tế của EU với khu vực này chỉ xoay quanh vấn đề hợp tác thương mại, qua đó duy trì và ổn định tình hình chính trị được xem là động lực chính của EU trong tiến trình hợp tác này. Một số các quốc gia có vị trí địa lý, các nước có thể gia nhập khối EU ở khu vực Trung và Đông Âu và khu vực Balkan, được EU ưu tiên trong quá trình đàm phán hợp tác thương mại. Bên cạnh đó, một số các Hiệp định Đối tác Kinh tế

EPA được thực hiện giữa EU với các nước ACP.

Năm 2006, thất bại của Vòng đàm phán Doha của WTO về các vấn đề: (i) tiếp cận thị trường hàng phi nông nghiệp (NAMA); (ii) nông nghiệp; (iii) dịch vụ; (iv) các vấn đề về quy tắc; (v) sở hữu trí tuệ; (vi) thuận lợi hóa thương mại; (vii) thương mại - môi trường; và (viii) thương mại phát triển, buộc EU phải thông qua chiến lược "Châu Âu toàn cầu - Cạnh tranh trên thế giới" (Global Europe: competing in the world) [5] với việc điều chỉnh chính sách thương mại, sử dụng công cụ là các hiệp định thương mại tự do (FTA) với phạm vi cam kết rộng hơn, nhiều ưu đãi hơn cho các đối tác thương mại.

Năm 2015, EU tiếp tục ban hành chiến lược "Thương mại cho tất cả" (Trade for all strategy) [6] nhằm hướng chính sách thương mại chung hoạt động hiệu quả (Effectiveness), minh bạch (Transparency) và đặc biệt chú trọng đến các giá trị (Value) trong EU (đáp ứng kỳ vọng của công chúng về các quy định và đầu tư), cũng như bên ngoài EU (thúc đẩy phát triển bền vững, quản trị tốt và các vấn đề về nhân quyền).

Năm 2019, trong bối cảnh các mối đe dọa thương mại từ Mỹ trong các động thái "san bằng sân chơi toàn cầu" [7] cũng như ứng phó với sự trỗi dậy của Trung Quốc, Ủy ban, Nghị viện và Hội đồng châu Âu đều khẳng định sự ủng hộ của mình đối với hệ thống thương mại đa phương, điều chỉnh chính sách thương mại đáp ứng với những thách thức thương mại toàn cầu là ưu tiên hàng đầu trong chính sách thương mại của EU.

3. Nội dung, công cụ thực hiện chính sách thương mại mới của EU

3.1. Mục tiêu, phương pháp tiếp cận chính sách thương mại mới

Chính sách thương mại mới của EU dựa trên cách tiếp cận mới được gọi là "Quyền tự trị chiến lược mở" (Open Strategic Autonomy). Trong đó: (1) Khái niệm "mở" (Openness) tức

Số 9 (264) 2022

NGHIÊN CỨU CHÂU ÂU

VIỆN NGHIÊN CỨU CHÂU ÂU - IES - INSTITUTE FOR EUROPEAN STUDIES



Nghiên cứu CHÂU ÂU

EUROPEAN STUDIES

- NHÂN TỐ TRUNG QUỐC TRONG QUAN HỆ NGÀ-EU HIỆN NAY
- GIỚI HẠN QUYỀN SỞ HỮU THEO LUẬT CƠ BẢN CỦA CHLB ĐỨC
- XUNG ĐỘT NGÀ - UKRAINE: NHỮNG KHÓ KHĂN, THÁCH THỨC ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG VÀ DOANH NGHIỆP VIỆT NAM TẠI LIÊN BANG NGÀ
- PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP XÃ HỘI CỦA VƯƠNG QUỐC ANH VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM

Số 9 (264) 2022
ISSN: 0866-3581VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
VIỆN NGHIÊN CỨU CHÂU ÂU

ACTING EDITOR-IN-CHIEF Assoc. Prof. Dr. DANG THI PHUONG HOA VICE EDITOR-IN-CHIEF Assoc. Prof. Dr. DANG MINH DUC EDITORIAL STAFF Assoc. Prof. Dr. DANG THI PHUONG HOA Assoc. Prof. Dr. NGUYEN AN HA Prof. Dr. NGUYEN QUANG THUAN Prof. VU DUONG NINH Prof. Dr. DO DUC BINH Assoc. Prof. Dr. DINH CONG TUAN Prof. Dr. VU DUONG HUAN Prof. Dr. HOANG KHAC NAM Assoc. Prof. Dr. NGUYEN DUC MINH Assoc. Prof. Dr. DANG MINH DUC Editorial secretary Dr.DINH MANH TUAN Editorial and Advertising Office 176 Thai Ha Str., Dong Da Dist., Hanoi Tel: 84.24.3537 3502 Fax: 84.24.3537 4905 Website: http://www.ies.gov.vn E-mail: tapchichauau@yahoo.com ISSN: 0868 - 3581 Publishing License No. 106/GP-BTTTT Issued by the Ministry of Information and Communications on April 22, 2013. Price: 30.000 VND	TABLE OF CONTENT EUROPEAN SECURITY - POLITICS 1. TRAN THI HAI YEN & VU THUY TRANG The factor of China in current Russia-EU relations 3 2. DO HONG HUYEN Relations between NATO, EU and Russia, and NAIO, EU's policy response in the context of Russia-Ukraine war 10 EUROPEAN LAW - ECONOMY 3. CHU THI THANH AN Limitations on ownership under the Basic Law of the Federal Republic of Germany 21 4. DUONG CONG DOANH The effect of entrepreneurial self-efficacy on entrepreneurial intention among Polish students 33 EUROPEAN HISTORY - CULTURE - SOCIETY 5. LE VU TRUONG GIANG Primitive monetary transactions and economic management factors of early empire period of Rome (27 BC-192) 48 6. BUI VIET HUNG & NGO THI LAN ANH & NGUYEN THI MAO European Green Deal: Commitments and some challenges 57 VIETNAM - EUROPEAN RELATIONS 7. NGUYEN VAN PHUONG & PHUNG THI QUYNH TRANG Social enterprise development in United Kingdom and experience for Vietnam 64 8. CHU THI NHUAN & PHAM VAN PHU The Russia - Ukraine conflict: Difficulties and challenges for the Vietnamese community and businesses in Russia 79 INFORMATION 9. Scientific conference: "Solutions to promote the role of the Vietnamese community in the Russian Federation and the CIS in the new context" 87 10. Workshop & book launch: "Policies to encourage the development of short supply chains of agricultural products in Vietnam in the new context" 91
---	---

THỎA THUẬN XANH CHÂU ÂU CỦA EU: NHỮNG CAM KẾT THỰC HIỆN VÀ MỘT SỐ THÁCH THỨC ĐẶT RA

Bùi Việt Hưng^{*}

Ngô Thị Lan Anh^{**}

Nguyễn Thị Mão^{***}

Tóm tắt: Thỏa thuận xanh châu Âu đưa ra mục tiêu cam kết cắt giảm phát thải khí nhà kính xuống mức bằng 0 vào năm 2050. Đây được xem là mục tiêu đầy hoài bão trong bối cảnh quốc tế đầy thách thức, như cạnh tranh, xung đột địa chiến lược giữa các quốc gia, khu vực ngày càng gia tăng, tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu ngày càng hiện hữu, suy thoái kinh tế do tác động của đại dịch COVID-19 chưa chấm dứt. Để thực hiện thành công thỏa thuận này, EU cần phải thực hiện đồng bộ các giải pháp từ ưu tiên chính sách đến huy động nguồn lực tài chính, cũng như linh hoạt trong đối thoại và hợp tác quốc tế.

Từ khóa: Thỏa thuận xanh, phát triển bền vững, Liên minh Châu Âu

Abstract: The European Green Deal sets out its commitment to cut greenhouse gas emissions to zero by 2050, it is considered as an ambitious commitment in the challenging international context such as competitions, geostrategic conflicts between the countries and regions which tend to increase, the negative impacts of climate change are increasingly evident, the economic recession caused by the COVID-19 pandemic has not ended. To successfully implement this initiative, EU needs to synchronously implement solutions from policy priority to mobilizing financial endowment, as well as being flexible in international dialogue and cooperation.

Keywords: European Green Deal, sustainable development, European Union

1. Giới thiệu

Nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu đang có chiều hướng xấu đi, trong thời gian qua, Liên minh Châu Âu (EU) đã và đang có những điều chỉnh về mặt thể chế, chính sách, nhằm thúc đẩy mạnh mẽ hơn cuộc chiến

chống biến đổi khí hậu ở cả cấp độ toàn cầu và khu vực.

Ngày 11/12/2019, Chủ tịch Ủy ban Châu Âu (EC) Von der Leyen đã công bố chiến lược Thỏa thuận xanh châu Âu (European Green Deal), áp dụng cho toàn khu vực với tầm nhìn tới năm 2050. Đây được xem như là một chiến lược tăng trưởng mới nhằm mục đích đưa khu vực EU trở thành một xã hội công bằng và thịnh vượng, với một nền kinh tế hiện đại, cạnh tranh và sử dụng hiệu quả về tài nguyên, có phát thải ròng khí nhà kính bằng 0 vào năm 2050. Bên cạnh đó, việc thực hiện thành công chiến

^{*} TS., Viện Nghiên cứu Châu Âu

^{**} TS., Khoa Giáo dục Chính trị - ĐHSP
Thái Nguyên

^{***} Ths., Khoa Giáo dục Chính trị - ĐHSP
Thái Nguyên

Nhận bài ngày: 22/8/2022

Phản biện xong: 7/9/2022

Chấp nhận đăng: 13/9/2022

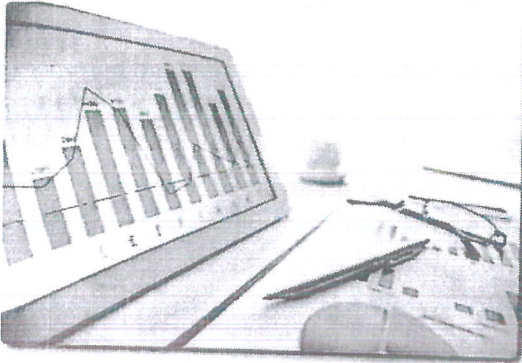


FIGURES & EVENTS REVIEW
OF THE GSO (MPI)

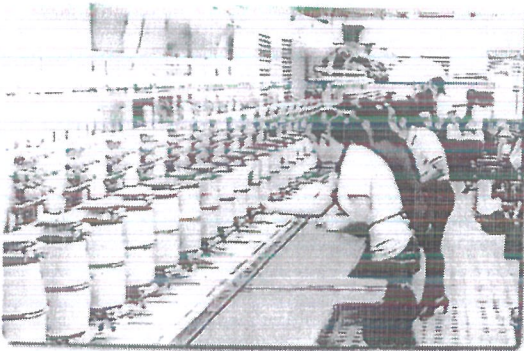
TẠP CHÍ Con số SỰ KIỆN

ISSN 2734-9136

TẠP CHÍ CỦA TỔNG CỤC THỐNG KÊ | BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ | NĂM THỨ 62 - SỐ 658 / KỲ II - 11/2023



**TỔNG QUAN
VỀ HỆ THỐNG CHỈ TIÊU
THỐNG KÊ NGÀNH THỐNG KÊ**



**THU HÚT FDI XANH
GIẢI PHÁP QUAN TRỌNG THỰC HIỆN
TĂNG TRƯỞNG XANH CỦA VIỆT NAM**



**THIẾT LẬP HỆ THỐNG CHỈ SỐ
ĐỂ PHÂN TÍCH BIẾN ĐỘNG CHỈ TIÊU
GDP BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI
THEO GIÁ THỰC TẾ**



**BỨC TRANH MÀU XÁM
VỀ NỢ CÔNG TOÀN CẦU**

THIẾT LẬP HỆ THỐNG CHỈ SỐ ĐỂ PHÂN TÍCH BIẾN ĐỘNG CHỈ TIÊU GDP BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI THEO GIÁ THỰC TẾ

PGS.TS. Tăng Văn Khiên - Hội Thống kê Việt Nam

ThS. Nguyễn Thị Mão - Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên

Tổng sản phẩm trong nước (viết tắt tiếng Anh là GDP) bình quân đầu người (BQĐN) được xác định bằng cách chia GDP cho dân số trung bình. Đây là chỉ tiêu kinh tế tổng hợp, phản ánh khái quát về trình độ phát triển kinh tế và nâng cao mức sống của nhân dân; GDP BQĐN có trong hệ thống chỉ tiêu Thống kê Quốc gia và trong nhiều năm GDP BQĐN là một trong 3 chỉ tiêu thành phần để tính chỉ số phát triển con người của một quốc gia hay tỉnh, thành phố. Một trong những nhiệm vụ của Thống kê là phải đi sâu đánh giá, phân tích biến động GDP BQĐN, chỉ ra ảnh hưởng của các nhân tố đến biến động của chỉ tiêu này, làm cơ sở cho việc đề xuất các giải pháp để không ngừng nâng cao GDP BQĐN.

Biến động GDP BQĐN chịu tác động của nhiều nhân tố khác nhau và được nhìn nhận từ nhiều khía cạnh khác nhau. Và tùy theo mục đích nghiên cứu và điều kiện số liệu khác nhau, có thể hình thành nên mối liên hệ giữa các nhân tố khác nhau và áp dụng các mô hình, phương pháp phân tích khác nhau.

Chỉ tiêu GDP BQĐN được tính theo giá thực tế và giá so sánh, dưới đây là việc thiết lập hệ thống chỉ số để phân tích biến động chỉ tiêu GDP BQĐN theo giá thực tế trong quan hệ với các nhân tố biến động giá cả, tăng năng suất lao động (NSLĐ) và thay đổi tỷ lệ giữa lao động làm việc và dân số trung bình.

Thiết lập hệ thống chỉ số phân tích

Trong bài báo "Phân tích ảnh hưởng của các nhân tố tăng năng suất lao động và thay đổi tỷ lệ giữa lao động và dân số đến biến động GDP bình quân đầu người của Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020" (đăng trên *Tờ Thông tin Khoa học Thống kê* số 05 năm 2022), tác giả đã thiết lập hệ thống chỉ số để phân tích biến động chỉ tiêu GDP BQĐN dựa trên công thức: GDP bình quân đầu người (X) bằng NSLĐ (W) nhân với tỷ lệ giữa lao động và dân số (K): $X = W \cdot K$ (01a). Tuy nhiên, đây là phân tích biến động chỉ tiêu GDP BQĐN theo giá so sánh. Nay phát triển thêm nghiên cứu, phân tích biến động chỉ tiêu GDP BQĐN theo giá thực tế, tức là có cả nhân tố biến động giá cả; và lúc này, GDP BQĐN theo giá thực tế (X) sẽ bằng GDP BQĐN theo giá so sánh nhân với hệ số H (H là chênh lệch giữa GDP theo giá thực tế so với GDP theo giá so sánh), theo đó sẽ có $X = H \cdot W \cdot K$ (01b).

Trên cơ sở phương trình 01b, thiết lập được hệ thống chỉ số phân tích biến động GDP BQĐN theo giá thực tế kỳ báo cáo (ký hiệu là 1) so với kỳ gốc (ký hiệu là 0):

$$\frac{X_1}{X_0} = \frac{H_1}{H_0} * \frac{W_1}{W_0} * \frac{K_1}{K_0} \quad ; (02)$$

$$I_x = I_h * I_w * I_k$$

Trong đó:

I_x - Chỉ số phát triển GDP BQĐN theo giá thực tế;

I_h - Chỉ số phát triển về giá (năm báo cáo so với năm gốc);

I_w - Chỉ số phát triển NSLĐ theo giá so sánh;

I_k - Chỉ số phát triển phản ánh thay đổi tỷ lệ giữa LD và DS;

Từ hệ thống chỉ số 02 tiếp tục hình thành các biểu hiện tính toán của chỉ số để phân tích như sau:

* Tính tỷ lệ tăng lên của GDP BQĐN theo giá thực tế:

- Tỷ lệ tăng chung GDP BQĐN (I_x):

$$I_x = \frac{X_1 - X_0}{X_0} = \frac{X_1}{X_0} - \frac{X_0}{X_0} = I_x - 1 \quad ; (03)$$

- Tỷ lệ tăng GDP BQĐN do thay đổi giá cả [$I_x(h)$]:

$$I_x(h) = \frac{(H_1 - H_0)W_1K_1}{X_0} = \frac{H_1W_1K_1}{X_0} - \frac{H_0W_1K_1}{X_0} = I_x - I_w * I_k \quad ; (03a)$$

- Tỷ lệ tăng GDP BQĐN do nâng cao NSLĐ [$I_x(w)$]:

- Tỷ trọng làm tăng GDP BQĐN do tăng NSLĐ:

$$d_w = 6,59 : 8,71 \cdot 100 = 75,66\%;$$

- Tỷ trọng làm tăng GDP BQĐN do thay đổi tỷ lệ giữa lao động và dân số:

$$d_k = -0,46 : 8,71 \cdot 100 = -5,28\%.$$

$$(29,62\% + 75,66\% - 5,28\% = 100\%).$$

Kết quả tính toán cho thấy, GDP bình quân đầu người của Việt Nam năm 2019 (tính theo giá năm 2019) đạt 79,88 triệu đồng/người, tăng so với GDP BQĐN năm 2018 (tính theo giá năm 2018) là 8,71%; trong đó tăng giá làm tăng 2,58%, tương ứng với tỷ trọng đóng góp làm tăng là 29,62% và tăng NSLĐ làm tăng 6,59%, tương ứng với tỷ trọng đóng góp làm tăng là 75,66% (tăng NSLĐ đóng góp làm tăng nhiều nhất); còn tỷ lệ giữa lao động và dân số không tăng mà ngược lại giảm đi nên đã làm giảm tỷ lệ tăng GDP BQĐN là - 0,46%, tương ứng với tỷ trọng đóng góp làm giảm là - 5,28%.

Tóm lại, phân tích biến động GDP BQĐN theo giá thực tế không chỉ làm rõ ảnh hưởng của các nhân tố đến biến động GDP BQĐN, mà còn cho phép nhận định, đánh giá liên kết số liệu về GDP BQĐN thực tế đạt được với kết quả nghiên cứu biến động của nó./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. "Phân tích thống kê - Lý thuyết và ứng dụng" do PGS, TS. Tăng Văn Khiên làm chủ biên, NXB Thống kê, Hà Nội năm 2015;

2. "Phân tích ảnh hưởng của các nhân tố tăng năng suất lao động và thay đổi tỷ lệ giữa lao động và dân số đến biến động GDP bình quân đầu người của Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020", Thông tin Khoa học Thống kê, số 05 năm 2022.

3. "Niên giám Thống kê" năm 2021 của TCTK, NXB Thống kê năm 2022.

Khuyến nghị của tổ chức Nông Lương Liên Hợp Quốc về thu thập thông tin tính chỉ tiêu SDG 2.4.1

Hội nghị thượng đỉnh Liên Hợp Quốc lần thứ 21, năm 2015 tại New York, Mỹ đã thống nhất thông qua 17 mục tiêu chung và 169 mục tiêu cụ thể về sự phát triển bền vững.

Chỉ tiêu SDG 2.4.1 "Tỷ lệ diện tích nông nghiệp sản xuất nông nghiệp hiệu quả và bền vững" (sau đây gọi tắt là chỉ tiêu SDG 2.4.1) là chỉ tiêu dùng để đánh giá mục tiêu cụ thể SDG 2.4 "Đến năm 2030, đảm bảo các hệ thống sản xuất lương thực bền vững và thực hiện các biện pháp canh tác nông nghiệp có khả năng chống chịu nhằm tăng năng suất và sản lượng, giúp duy trì các hệ sinh thái, tăng cường năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu, thời tiết khắc nghiệt, hạn hán, lũ lụt và các thảm họa khác, đồng thời cải thiện đất đai và sức khỏe đất"; thuộc mục tiêu tổng quát SDG 2 "Chấm dứt nạn đói, đảm bảo an ninh thực phẩm, cải thiện dinh dưỡng và thúc đẩy phát triển nông nghiệp bền vững".

Tổ chức Nông Lương Liên Hợp Quốc (FAO) là cơ quan được phân công theo dõi và giám sát chỉ tiêu này, đã đưa ra phương pháp luận để thu thập và đánh giá chỉ tiêu SDG 2.4.1; trong đó khuyến khích các quốc gia thu thập thông tin thông qua điều tra và dữ liệu hành chính bổ sung để tính toán và đánh giá chỉ tiêu này theo chu kỳ.

Để thực hiện các cam kết quốc tế, Việt Nam đã ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện chương trình Nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững (Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/05/2017 của Thủ tướng Chính phủ); Thông tư 03/2019/TT-BKHĐT về Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững của Việt Nam (VSDGs), trong đó có chỉ tiêu VSDG 2.4.1, kèm theo các khái niệm, phương pháp tính⁽¹⁾.

Năm 2019, FAO đã trực tiếp tập huấn cho công chức của Tổng cục Thống kê bảng hỏi điều tra thu thập thông tin đánh giá chỉ tiêu SDG 2.4.1. Tổng cục Thống kê đã thực hiện thu thập thông tin về chỉ tiêu SDG 2.4.1 trong Điều tra Nông thôn, nông nghiệp giữa kỳ 2020, ngay sau khi FAO hoàn thiện phương pháp luận vào năm 2019.

Tóm tắt lược đồ thiết kế mẫu để thu thập thông tin đánh giá chỉ tiêu SDG 2.4.1

Quy mô mẫu: Trong Điều tra nông thôn, nông nghiệp giữa kỳ năm 2020, Tổng cục Thống kê lựa chọn khoảng 0,3% hộ có hoạt động nông, lâm nghiệp và thủy sản (NLI5) của cả nước để tiến hành điều tra mẫu (Phiếu hộ dài) thu thập các thông tin chuyên sâu đối với hộ sản xuất nông nghiệp nhằm đánh giá hoạt động sản xuất nông nghiệp quy mô hộ gia đình theo hướng bền vững và hiệu quả (chỉ tiêu SDG 2.4.1), thông qua ba khía cạnh của sản xuất bền vững: Kinh tế, môi trường và xã hội.

Phương pháp chọn mẫu: Chọn mẫu hai bước riêng cho khu vực nông thôn và khu vực thành thị:

Bước 1: Chọn địa bàn mẫu

Sử dụng toàn bộ địa bàn mẫu của phiếu hộ ngắn, các bước chọn như sau:

1. Chỉ tiêu VSDG 2.4.1 tương ứng của Việt Nam gồm 2 chỉ tiêu thành phần: (1) Tỷ lệ diện tích tích gieo trồng nông nghiệp áp dụng quy trình sản xuất an toàn; và (2) Tỷ lệ diện tích nuôi trồng thủy sản áp dụng quy trình thực hành nuôi trồng thủy sản tốt và bền vững

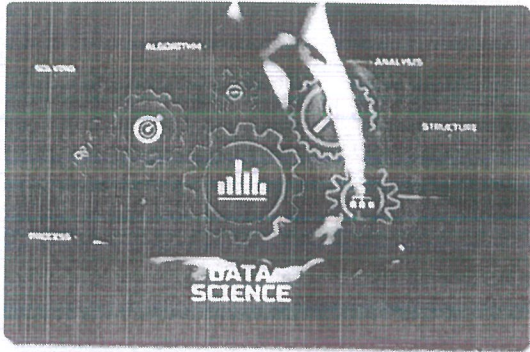


FIGURES & EVENTS REVIEW
OF THE GSO (MPI)

TẠP CHÍ CỘNG SỐ SỰ KIẾN

ISSN 2734-9136

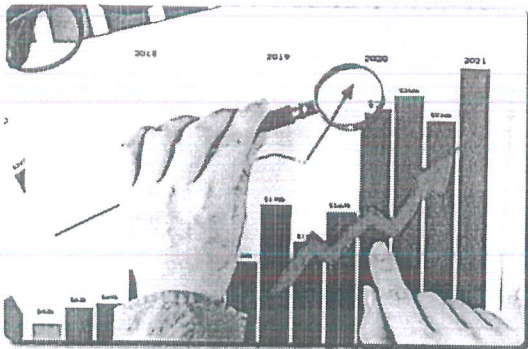
TẠP CHÍ CỦA TỔNG CỤC THỐNG KÊ | BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ | NĂM THỨ 63 - SỐ 681 / Kỳ II - 11/2024



**KHOA HỌC DỮ LIỆU
CÔNG CỤ ĐẢM BẢO THÀNH CÔNG
CHO TIẾN TRÌNH CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA VIỆT NAM**



**VIỆT NAM ĐẠT BƯỚC TIẾN MẠNH MẼ
TRONG CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG KINH DOANH**



**CÁCH SỬ DỤNG HỢP LÝ SỐ LIỆU
ĐỂ PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ
NÂNG CAO NĂNG SUẤT CÁC NHÂN TỐ TỔNG HỢP**



**TÁI CẤU TRÚC
CHUỖI CUNG ỨNG TOÀN CẦU**

Tuy nhiên, RNM ở nước ta đang có nguy cơ bị đe dọa nghiêm trọng do thu hẹp về diện tích vì tình trạng khai thác, chặt phá rừng, những cơn gió, bão, sóng biển cũng là nguyên nhân làm thu hẹp diện tích RNM. Bên cạnh đó, tình trạng ô nhiễm môi trường cũng gây ảnh hưởng đến diện tích RNM.

Để phát triển RNM trong thời gian tới, Việt Nam cần tiếp tục tập trung vào các giải pháp như:

Một là, tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật giúp nâng cao nhận thức về bảo vệ và phát triển rừng cho người dân vùng rừng; nâng cao năng lực của lực lượng trực tiếp quản lý bảo vệ rừng thông qua việc tham gia các chương trình tập huấn, đào tạo chuyên môn... lồng ghép với chương trình giáo dục pháp luật của các Sở, ban, ngành và các lớp tập huấn do các tổ chức trong và ngoài nước tài trợ.

Hai là, tăng cường công tác bảo vệ, phát triển RNM tại địa phương ven biển; đánh giá chính xác vai trò của RNM trong việc tích lũy carbon, giảm phát thải khí nhà kính, hướng tới thực hiện Net Zero carbon vào năm 2050.

Ba là, cần quản lý RNM theo hướng tiếp cận hệ sinh thái; Quy hoạch tổng hợp ven bờ, đánh bắt và nuôi trồng thủy sản theo hướng bền vững; tạo cơ sở pháp lý, cam kết bảo vệ rừng đối với những hộ có liên quan.

Bốn là, nghiên cứu phát triển các ngành nghề nuôi trồng thủy sản ở các vùng ven biển như: Nuôi sò, nuôi vạng hoặc các loài cá có giá trị kinh tế cao để thay thế nghề nuôi tôm ở các vùng RNM. Đồng thời cần cải thiện cơ cấu và đa dạng hóa nuôi trồng thủy sản nhằm đáp ứng nhu cầu khắt khe của thị trường và giảm thiểu nguy cơ bệnh dịch.

Năm là, chính quyền cần tạo điều kiện thuận lợi để duy trì sự phát triển, làm chậm quá trình suy thoái của RNM hiện tại; tạo không gian và điều kiện thuận lợi, nhằm thúc đẩy sự phát triển của RNM ra phía biển; phân vùng để quản lý, bảo tồn và phát triển hệ sinh thái RNM.../.

Tài liệu tham khảo

Phát huy giá trị rừng gắn với mục tiêu Net-Zero và phát triển bền vững (<https://tainguyenvamoitruong.vn/phan-huy-gia-tri-rung-gan-voi-muc-tieu-net-zero-va-phat-trien-ben-vung-cid118259.html>)

"Hồi sinh" rừng ngập mặn (<https://www.qdnd.vn/xa-hoi/cac-van-de/hoi-sinh-rung-ngap-man-800285>)

Bến Tre: Trồng rừng ngập mặn ứng phó thiên tai (<https://baotainguyenvamoitruong.vn/ben-tre-trong-rung-ngap-man-ung-pho-thien-tai-381602.html>)

Cách sử dụng hợp lý số liệu để phân tích, đánh giá NÂNG CAO NĂNG SUẤT CÁC NHÂN TỔ TỔNG HỢP

PGS.TS. Tăng Văn Khiên

Hội Thống kê Việt Nam

ThS. Nguyễn Thị Mão

Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên

Năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) là năng suất tính trên cơ sở kết hợp chung hai nhân tố đầu vào là vốn và lao động. Nâng cao năng suất các nhân tố tổng hợp là căn cứ quan trọng để nâng cao chất lượng tăng trưởng và đẩy mạnh phát triển bền vững của một quốc gia, một địa phương cũng như của các ngành, các lĩnh vực hay các loại hình kinh tế.

Liên quan đến nâng cao năng suất các nhân tố tổng hợp, Hệ thống chỉ tiêu Thống kê Quốc gia ban hành năm 2022 yêu cầu tính toán và công bố hai chỉ tiêu là Tốc độ tăng năng suất các nhân tố tổng hợp và Tỷ trọng đóng góp của các nhân tố vốn, lao động và năng suất các nhân tố tổng hợp vào tốc độ tăng trưởng chung.

Tốc độ tăng năng suất các nhân tố tổng hợp là tỷ lệ tăng lên của kết quả sản xuất do nâng cao hiệu quả sử dụng các nhân tố đầu vào là vốn và lao động.

Theo phương pháp hạch toán, tốc độ tăng năng suất các nhân tố tổng hợp (I_{TFP}) được xác định bằng cách lấy tốc độ tăng kết quả sản xuất (I_Y) trừ đi tỷ lệ tăng lên của kết quả sản xuất do tăng vốn ($a.I_K$) và tỷ lệ tăng lên của kết quả sản xuất do tăng lao động ($b.I_L$) như công thức 01:

$$I_{TFP} = I_Y - (a.I_K + b.I_L); \quad (0.1.)$$

Trong đó:

I_K là tốc độ tăng của vốn và I_L là tốc độ tăng của lao động;

Sử dụng kết hợp dạy học hợp tác với kỹ thuật “khăn trải bàn” để phát triển phẩm chất, năng lực cho học sinh trong dạy học môn Giáo dục công dân ở cấp trung học cơ sở

Hoàng Thu Thủy*, Nguyễn Thị Mão**

*TS, **ThS. Khoa Giáo dục Chính trị, trường ĐHSP-ĐHTN

Received: 28/4/2024; Accepted: 8/5/2024; Published: 20/5/2024

Abstract: To implement the 2018 General Education Program, schools are innovating teaching methods, focusing on active and modern teaching methods and techniques. Using the observation, analysis - synthesis method, the article focuses on clarifying the theoretical basis and process of using a combination of cooperative teaching and the "tablecloth" technique in teaching Civics Education in secondary schools to develop qualities and competences of students; thereby, helping teachers improve the quality and effectiveness of teaching this subject in high schools.

Keywords: Teaching methods, teaching techniques, cooperative teaching, competences, qualities, Civics Education.

1. Đặt vấn đề

Dạy học hợp tác là một cách thức tổ chức dạy học nhằm phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác của học sinh. Việc sử dụng dạy học hợp tác trong dạy học môn GDCC, giáo viên sẽ phát triển được cho học sinh các phẩm chất nhân ái, trách nhiệm, các năng lực chung như tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo. Bên cạnh đó, giáo viên còn cần phải kết hợp các kỹ thuật dạy học hiện đại, phù hợp với nội dung của từng bài học và với đối tượng học sinh, điều kiện học tập của các nhà trường. Đối với môn GDCC, việc kết hợp sử dụng dạy học hợp tác với kỹ thuật dạy học “khăn trải bàn” vào thực hiện một số chủ đề của môn học, sẽ góp nâng cao chất lượng, hiệu quả giảng dạy, phát triển cho học sinh các phẩm chất, năng lực cơ bản của người công dân trong tương lai.

2. Nội dung

2.1. Khái quát chung về dạy học hợp tác và kỹ thuật “khăn trải bàn”

2.1.1. Dạy học hợp tác

Dạy học hợp tác là cách tổ chức dạy học, trong đó học sinh làm việc theo nhóm để cùng nhau nghiên cứu, trao đổi ý tưởng và giải quyết vấn đề đặt ra [3, tr.61].

Dạy học hợp tác có các đặc điểm sau đây:

Thứ nhất, xây dựng được nhóm học tập của học sinh chia theo tiêu chí.

Thứ hai, các nhóm thực hiện nhiệm vụ học tập được giao.

Thứ ba, hình thành thành kỹ năng hợp tác, khả năng giải quyết vấn đề cho học sinh, thông qua đó các

vấn đề nêu ra được giải quyết.

Như vậy, khi sử dụng cách thức tổ chức dạy học hợp tác sẽ phát triển được cho học sinh tính chủ động, tích cực, trách nhiệm, khả năng giao tiếp và hợp tác cùng nhau để giải quyết các nhiệm vụ được giao. Điều này sẽ khắc phục được sự thụ động, nhút nhát của nhiều học sinh trong các giờ học. Các em có nhiều cơ hội để được thể hiện mình và biết cách để cùng nhau chia sẻ công việc và làm tốt các nhiệm vụ học tập được giao. Đây chính là cách thức tổ chức dạy học đang được giáo viên lựa chọn chủ yếu để thực hiện có hiệu quả các tiết dạy đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.

2.1.2. Kỹ thuật dạy học “khăn trải bàn”

Kỹ thuật dạy học được hiểu là những biện pháp, cách thức hành động của của giáo viên và học sinh trong các tình huống hành động nhằm thực hiện giải quyết một nhiệm vụ/nội dung cụ thể [5, tr.45].

Có nhiều kỹ thuật dạy học khác nhau được giáo viên sử dụng trong quá trình dạy học. Trong đó, kỹ thuật dạy học “khăn trải bàn” là kỹ thuật mà giáo viên tổ chức hoạt động học tập cho học sinh mang tính hợp tác, kết hợp giữa hình thức học tập cá nhân và hình thức học tập nhóm [6, tr.32]

Sử dụng kỹ thuật khăn trải bàn trong dạy học, giáo viên sẽ kích thích và thúc đẩy sự tham gia tích cực của học sinh. Giúp học sinh gia tăng tính tự chủ, trách nhiệm, khả năng giải quyết vấn đề trong khi thực hiện các nhiệm vụ học tập. Đồng thời, còn phát triển sự tương tác giữa các học sinh trong nhóm với nhau. Khi sử dụng “kỹ thuật khăn trải bàn” giáo viên cũng có thể



bày kết quả thảo luận.

- *Trình bày và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập có sự hợp tác:* Các nhóm cử người báo cáo kết quả sản phẩm của nhóm được ghi trên giấy trước lớp. Học sinh trong lớp lắng nghe và nhận xét sản phẩm của nhóm báo cáo, đặt câu hỏi nếu có. Giáo viên sẽ nhận xét đánh giá cuối cùng về tinh thần hợp tác, kết quả làm việc nhóm và khái quát lại vấn đề thảo luận.

- *Trình bày và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập có sự hợp tác:*

+ Các nhóm cử người báo cáo kết quả thảo luận của nhóm mình.

+ Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, đưa ra bình luận.

+ Giáo viên nhận xét, đánh giá tinh thần thái độ hợp tác, làm việc của các nhóm, sản phẩm báo cáo, chốt lại kiến thức để làm nổi bật được các truyền thống tốt đẹp của dân tộc thể hiện qua từng thông tin cũng như khẳng định được giá trị to lớn mà các truyền thống đó mang lại.

2.3.2. Điều kiện sử dụng kết hợp DHHT với kỹ thuật “khăn trải bàn” để phát triển phẩm chất, năng lực cho học sinh trong dạy học môn GDCD ở các trường THCS

Thứ nhất, giáo viên phải căn cứ vào yêu cầu cần đạt của các chủ đề để đưa ra quyết định lựa chọn cách thức tổ chức, phương pháp dạy học và kỹ thuật dạy học nào sẽ là phù hợp. Bởi không phải chủ đề nào trong chương trình môn GDCD đều có thể sử dụng kết hợp cách thức tổ chức dạy học hợp tác với sử dụng kỹ thuật “khăn trải bàn”. Cũng không phải hoạt động nào trong các hoạt động dạy học đều có thể sử dụng hiệu quả việc kết hợp giữa cách thức tổ chức dạy học với kỹ thuật dạy học này. Vì thế, giáo viên cần có sự lựa chọn cho phù hợp để khi sử dụng đem lại hiệu quả cho tiết học, học sinh phát triển được các phẩm chất, năng lực cần có của người công dân.

Thứ hai, khi lựa chọn chủ đề, nội dung đưa ra cho học sinh giải quyết, giáo viên cần đảm bảo phù hợp năng lực nhận thức của học sinh, để học sinh có thể vận dụng được kiến thức của bản thân, nghiên cứu sách giáo khoa giải quyết được. Nhiệm vụ học tập cần đủ khó để thực hiện dạy học theo nhóm (không nên tổ chức học tập theo nhóm với nhiệm vụ đơn giản, ít khó khăn) vì nếu nhiệm vụ quá dễ sẽ làm cho hoạt động nhóm trở nên nhàm chán và chỉ mang tính chất hình thức, học sinh sẽ không cần tư duy, động não, sẽ không kích thích được tính sáng tạo ở người học.

Thứ ba, giáo viên cần xác định số lượng nhóm cho phù hợp với số lượng thành viên trong lớp để đảm bảo việc thực hiện kỹ thuật “khăn trải bàn” được hiệu quả,

tránh việc nhóm quá đông học sinh, việc thực hiện nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm sẽ không hiệu quả. Không gian làm việc cần đảm bảo phù hợp để học sinh thuận tiện trong việc trao đổi và thảo luận (học sinh trong nhóm cần nghe và nhìn thấy nhau, đặc biệt là với hình thức thảo luận nhóm).

Thứ tư, giáo viên cũng cần phân bổ thời gian cho hợp lý giữa thời gian các nhóm thảo luận, thời gian báo cáo đảm bảo các ý kiến thảo luận của các em đều được trao đổi. Có sự trao đổi, nhận xét giữa các nhóm để phát triển năng lực giao tiếp, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo ở học sinh.

3. Kết luận

Đổi mới phương pháp, kỹ thuật dạy học để mang lại chất lượng và hiệu quả cho các giờ học đã và đang được giáo viên rất chú trọng trong quá trình dạy học ở các nhà trường. GDCD là môn học đóng vai trò quan trọng trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, vì thế để phát huy được vai trò của môn học này, giáo viên cần lựa chọn được hình thức tổ chức, các phương pháp, kỹ thuật dạy học cho phù hợp với yêu cầu cần đạt của các chủ đề môn học, phù hợp với đối tượng người học.

Việc giáo viên lựa chọn sử dụng kết hợp giữa cách thức tổ chức dạy học hợp tác với kỹ thuật dạy học “khăn trải bàn” vào dạy một số chủ đề của môn GDCD sẽ giúp học sinh phát triển được các phẩm chất nhân ái, trách nhiệm, năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội, năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. Qua đó, góp phần nâng cao chất lượng của môn học, học sinh trở nên tích cực, chủ động hơn trong các giờ học môn GDCD ở trường phổ thông.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình Tổng thể (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông - Chương trình môn Giáo dục công dân (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), *Tài liệu hướng dẫn bồi dưỡng giáo viên cốt cán, Modul 2, trường DHSP Thành phố Hồ Chí Minh*.
4. Nguyễn Văn Cường, Bernd Meier. (2018), *Lý luận dạy học hiện đại – Cơ sở đổi mới mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học*, Nxb Đại học Sư phạm.
5. *Dạy và học tích cực, một số phương pháp và kỹ thuật dạy học*, Dự án Việt Bỉ